

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 3896/QĐ-UBND ngày 22/11/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo thăm dò khoáng sản mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường, xã Hà Tân, huyện Hà Trung; Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung”;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 388/GP-UBND ngày 07/10/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Long Linh (trước đây là Doanh nghiệp tư nhân Long Linh) tại mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường xã Hà Tân, huyện Hà Trung;*

*Căn cứ Quyết định số 4511/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Long Linh;*

*Căn cứ Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Long Linh;*

*Xét Đơn đề ngày 22/6/2021 (kèm hồ sơ) đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Long Linh tại mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường xã Hà Tân, huyện Hà Trung;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 871/TTr-STNMT ngày 24/9/2021 và Công văn số 9000/STNMT-TNKS ngày 14/10/2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Long Linh (Mã số doanh nghiệp: 2800273313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, có địa chỉ tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá) được khai thác, chế biến khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ 47.386 m<sup>2</sup>, gồm 02 khu vực khai thác và 02 khu vực khai trường, cụ thể: Diện tích khu vực khai thác 1 là 19.000 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 5; diện tích khu vực khai trường 1 là 2.086 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm góc 3, 4, 20, 21 và 22; diện tích khu vực khai thác 2 là 18.500 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm góc từ 6 đến 19; diện tích khu vực khai trường 2 là 7.800 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm góc 6, 7, 23, 24, 25, 15, 16, 26 và 19 có tọa độ xác định tại Phụ lục và trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo;

- Mức sâu khai thác thấp nhất: Đến + 30 m;

- Trữ lượng địa chất: 1.075.713 m<sup>3</sup>, gồm: 1.050.254 m<sup>3</sup> đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường (trong đó có 94.523 m<sup>3</sup> đá khối để xẻ) và 25.459 m<sup>3</sup> đất san lấp;

- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác: 924.181 m<sup>3</sup>, gồm: 898.722 m<sup>3</sup> đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường (trong đó có 80.885 m<sup>3</sup> đá khối để xẻ) và 25.459 m<sup>3</sup> đất san lấp;

- Trữ lượng khai thác: 650.156,1 m<sup>3</sup>, gồm đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường là 624.697,1 m<sup>3</sup> (trong đó có 53.620 m<sup>3</sup> đá khối để xẻ) và 25.459 m<sup>3</sup> đất san lấp;

- Công suất khai thác: 23.000 m<sup>3</sup>/năm;

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên;

- Thời hạn khai thác: 29 năm 5 tháng kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là 01 năm 02 tháng.

**Điều 2.** Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Long Linh có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giá trị và thời gian đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký; chấm dứt hiệu lực Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 388/GP-UBND ngày 07/10/2015 của UBND tỉnh.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Long Linh chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; đăng ký ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản (b/c);
- Các Sở: TN&MT, Xây dựng;
- UBND huyện Hà Trung;
- UBND xã Hà Tân;
- Công ty TNHH DVTM Long Linh;
- Lưu: VT, CN (T1023).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**Phụ lục số 1**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ BAZAN LÀM VLXD  
THƯỜNG THƯỜNG TẠI XÃ HÀ TÂN, HUYỆN HÀ TRUNG**

(kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND  
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 <sup>00</sup> , múi chiều 3 <sup>0</sup> )	
		X (m)	Y (m)
Khu vực khai thác 1: 19.000 m <sup>2</sup>	1	2215 157.50	585 476.70
	2	2215 070.50	585 633.70
	3	2214 989.00	585 588.50
	4	2215 073.70	585 453.00
	5	2215 173.67	585 376.70
Khu vực khai trường 1: 2.086 m <sup>2</sup>	3	2214 989.00	585 588.50
	4	2215 073.70	585 453.00
	20	2215 082.68	585 442.29
	21	2215 069.80	585 428.10
	22	2214 982.80	585 585.10
Khu vực khai thác 2: 18.500 m <sup>2</sup>	6	2215 033.50	585 763.50
	7	2214 935.50	585 799.20
	8	2214 918.42	585 753.73
	9	2215 014.34	585 718.28
	10	2215 030.00	585 678.00
	11	2215 052.00	585 670.45
	12	2215 060.00	585 727.00
	13	2215 140.00	585 756.00
	14	2215 108.77	585 899.00
	15	2215 045.00	585 882.00
	16	2215 049.00	585 838.00
	17	2215 081.00	585 849.00
	18	2215 089.00	585 812.00
Khu vực khai trường 2: 7.800 m <sup>2</sup>	19	2215 046.70	585 799.00
	6	2215 033.50	585 763.50
	7	2214 935.50	585 799.20
	23	2214 949.20	585 835.60
	24	2214 969.95	585 827.81
	25	2215 023.00	585 877.00
	15	2215 045.00	585 882.00
	16	2215 049.00	585 838.00
	26	2215 052.45	585 807.56
19	2215 046.70	585 799.00	
<b>Diện tích mỏ: 47.386 m<sup>2</sup></b>			